

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 (Sau 6 tháng)
(Thực hiện theo Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo)

Trình độ đào tạo: Đại học & Cao đẳng chính quy

Đường link Website công khai báo cáo: <https://tdmu.edu.vn/t36/nam-2020-2021>

Họ và tên cán bộ tổng hợp: Nguyễn Ngọc Trâm

Điện thoại: (0274) 3865866

Email: lmc@tdmu.edu.vn

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phân hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số sinh viên phân hồi	Khu vực làm việc				
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tự nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG																	
1	51140201	Giáo dục mầm non	5	5	1	1	1	0	0	0	0	0	100.00%	0	1	0	0
2	51140209	Sư phạm Toán học	2	2	2	2	0	1	0	1	0	0	100.00%	0	0	1	0
3	51140213	Sư phạm Sinh học	6	6	3	3	0	1	0	1	1	0	66.67%	0	0	1	0
4	51140211	Sư phạm Vật lý	2	1	1	1	0	0	0	1	0	0	100.00%	0	0	0	0
5	51140219	Sư phạm Địa lý	1	1	1	1	0	1	0	0	0	0	100.00%	0	1	0	0
6	51510101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	100.00%	0	0	1	0
7	51510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	2	0	2	0	0	1		0	1	0	50.00%	0	1	0	0
8	51510301	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	11	0	4	0	2	0	2	0	0	0	100.00%	2	2	0	0
Tổng Cao đẳng (1)			30	15	15	8	4	4	2	3	2	86.67%	2	5	3	0	0
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC																	
1	7140101	Giáo dục học	19	13	18	12	2	5	5	0	6	3	7	2	0	0	0
2	7140201	Giáo dục mầm non	151	151	116	116	72	3	12	2	27	10	70	5	2	2	2
3	7140202	Giáo dục tiểu học	234	226	179	172	79	42	24	3	31	71	37	29	8	8	8
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	42	40	31	29	7	7	6	1	10	3	15	1	1	1	1
5	7140218	Sư phạm Lịch sử	51	32	24	13	3	2	6	2	11	6	5	0	0	0	0
6	7440102	Vật lý học	13	9	9	6	0	2	3	0	4	0	4	1	0	0	0
7	7460101	Toán học	24	19	21	17	2	4	4	1	10	0	5	1	4	4	4
8	7380101	Luật	235	152	182	116	33	31	44	2	72	14	78	7	9	9	9
9	7340101	Quản trị kinh doanh	175	135	140	109	45	40	11	2	42	6	55	3	32	32	32
10	7340301	Kế toán	149	142	122	117	73	11	8	5	25	5	65	0	22	22	22
11	7340201	Tài chính Ngân Hàng	102	91	78	67	34	16	5	0	23	4	44	1	6	6	6

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phân hội		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số sinh viên phân hội	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Chưa có việc làm	Nhà nước		Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							Tiếp tục học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
12	7440112	Hóa học	89	73	54	42	12	10	16	4	12	77.78%	1	22	0	15
13	7440301	Khoa học môi trường	26	12	24	12	7	7	6	1	3	87.50%	8	7	3	2
14	7420203	Sinh học Ứng dụng	5	3	4	3	1	0	1	0	2	50.00%	0	2	0	0
15	7480103	Kỹ thuật phần mềm	11	2	3	1	2	0	1	0	0	100.00%	1	2	0	0
16	7480104	Hệ thống thông tin	16	4	2	0	1	0	1	0	0	100.00%	1	1	0	0
17	7520201	Kỹ thuật điện - điện tử	38	2	5	0	3	0	2	0	0	100.00%	1	4	0	0
18	7580201	Kỹ thuật xây dựng	21	0	21	0	15	4	1	0	1	95.24%	3	16	0	1
19	7580101	Kiến trúc	12	5	5	3	3	1	0	0	1	80.00%	0	2	1	1
20	7310205	Quản lý Nhà nước	44	32	33	24	4	8	8	2	13	66.67%	8	9	1	0
21	7510601	Quản lý Công nghiệp	73	59	71	59	40	20	6	3	2	97.18%	2	42	0	17
24	7580105	Quy hoạch vùng - đô thị	12	9	6	4	2	0	2	0	2	66.67%	2	2	0	0
23	7220201	Ngôn ngữ Anh	131	115	90	79	28	25	14	5	18	80.00%	2	53	3	19
25	7220204	Ngôn ngữ Trung quốc	44	42	41	39	20	14	0	2	5	87.80%	0	3	2	29
22	7850101	Quản lý Tài nguyên & môi trường	87	54	65	44	20	5	18	4	18	72.31%	6	33	1	33
26	7760101	Công tác xã hội	30	24	23	18	6	6	5	1	5	78.26%	6	8	3	10
Tổng Đại học (2)			1834	1446	1367	1102	514	263	209	40	343	75.05%	163	591	64	161
Tổng cộng toàn trường (1)+(2)			1864	1461	1382	1110	518	267	211	43	345	75.18%	165	596	67	161

Ghi chú:

(*) Trường hợp các ngành chưa có mã ngành thuộc danh mục cấp IV để nghị ghi rõ tên chương trình đang đào tạo trong cột tên ngành

(**) Tỷ lệ SVTN có việc làm được tính theo công thức: [(SL SVTN có việc làm + SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao) / tổng số SVTN được khảo sát có phân hội]* 100

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2020

Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



TS. Ngô Hồng Diệp